

**DANH SÁCH SINH VIÊN KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP - KHÓA TS 2020  
ĐỢT 3 NĂM 2025**

| Stt | Họ tên sinh viên       | Ngày sinh  | Mã lớp  | TCTL | TBTL | Lý do không đạt                          |
|-----|------------------------|------------|---------|------|------|------------------------------------------|
| 1   | Lê Thị Thanh Hằng      | 05-05-2002 | 20ST1   | 122  | 2.59 | Chưa tích lũy đủ 130 tín chỉ.            |
| 2   | Dương Ngọc Phương Tịnh | 09-03-2002 | 20ST2   | 128  | 2.67 | Chưa tích lũy đủ 130 tín chỉ.            |
| 3   | Lê Mai Thiện           | 20-04-2002 | 20ST3   | 110  | 2.34 | Chưa tích lũy đủ 130 tín chỉ.            |
| 4   | Văn Công Tiến          | 01-08-2002 | 20ST3   | 126  | 2.40 | Chưa tích lũy đủ 130 tín chỉ.            |
| 5   | Lê Nguyễn Tường Vy     | 26-11-2002 | 20ST3   | 112  | 2.57 | Chưa tích lũy đủ 130 tín chỉ.            |
| 6   | Lê Phước Huy           | 01-01-1999 | 20ST4   | 104  | 2.42 | Chưa tích lũy đủ 130 tín chỉ.            |
| 7   | Phạm Duy Tấn Khoa      | 13-06-2002 | 20ST4   | 111  | 2.45 | Chưa tích lũy đủ 130 tín chỉ.            |
| 8   | Lê Tấn Nhất Phong      | 05-07-1998 | 20ST4   | 130  | 3.51 | Không đạt CDR ngoại ngữ, Chứng chỉ GDQP. |
| 9   | Lê Viên Tín            | 22-12-2002 | 20ST4   | 114  | 2.19 | Chưa tích lũy đủ 130 tín chỉ.            |
| 10  | Huỳnh Thị Mỹ Hoa       | 13-08-2002 | 20CNTT1 | 128  | 2.52 | Chưa tích lũy đủ 130 tín chỉ.            |
| 11  | Nguyễn Thái Học        | 11-12-2002 | 20CNTT1 | 122  | 3.11 | Chưa tích lũy đủ 130 tín chỉ.            |
| 12  | Trần Văn Hưng          | 11-07-2002 | 20CNTT1 | 80   | 2.26 | Chưa tích lũy đủ 130 tín chỉ.            |
| 13  | Lê Gia Khanh           | 25-07-2002 | 20CNTT1 | 124  | 2.11 | Chưa tích lũy đủ 130 tín chỉ.            |
| 14  | Nguyễn Thị Nhật My     | 15-09-2001 | 20CNTT1 | 135  | 3.05 | Không đạt CDR ngoại ngữ.                 |
| 15  | Võ Nguyễn Ngọc Sang    | 08-01-2000 | 20CNTT1 | 125  | 2.42 | Chưa tích lũy đủ 130 tín chỉ.            |
| 16  | Nguyễn Đình Truyện     | 27-08-2002 | 20CNTT1 | 132  | 2.51 | Không đạt CDR ngoại ngữ.                 |
| 17  | Thân Quốc Bảo          | 08-03-2002 | 20CNTT2 | 128  | 2.16 | Chưa tích lũy đủ 130 tín chỉ.            |
| 18  | Lê Nguyễn Thanh Hải    | 03-10-2002 | 20CNTT2 | 130  | 2.46 | Không đạt CDR ngoại ngữ.                 |
| 19  | Nguyễn Phạm Hữu Hiền   | 28-04-2002 | 20CNTT2 | 111  | 2.30 | Chưa tích lũy đủ 130 tín chỉ.            |
| 20  | Huỳnh Ngọc Hiếu        | 02-01-2002 | 20CNTT2 | 127  | 2.62 | Chưa tích lũy đủ 130 tín chỉ.            |
| 21  | Đặng Quốc Hoàng        | 15-07-2002 | 20CNTT2 | 130  | 2.65 | Không đạt CDR ngoại ngữ.                 |
| 22  | Nguyễn Phước Khoa      | 09-09-2002 | 20CNTT2 | 134  | 2.41 | Không đạt CDR ngoại ngữ.                 |
| 23  | Phan Hồ Văn Thịnh      | 25-05-2002 | 20CNTT2 | 130  | 2.24 | Không đạt CDR ngoại ngữ.                 |
| 24  | Đỗ Phạm Anh Thư        | 25-08-2002 | 20CNTT2 | 107  | 2.22 | Chưa tích lũy đủ 130 tín chỉ.            |
| 25  | Nguyễn Thị Ngọc Thương | 26-06-2002 | 20CNTT2 | 132  | 2.84 | Không đạt CDR ngoại ngữ.                 |
| 26  | Nguyễn Văn Tuyên       | 10-10-2002 | 20CNTT2 | 132  | 3.45 | Không đạt CDR ngoại ngữ.                 |
| 27  | Nguyễn Quang Vinh      | 20-11-2002 | 20CNTT2 | 114  | 2.38 | Chưa tích lũy đủ 130 tín chỉ.            |
| 28  | Tăng Tấn Y             | 03-07-2001 | 20CNTT2 | 130  | 2.83 | Không đạt CDR ngoại ngữ, Chứng chỉ GDQP. |
| 29  | Đỗ Văn Bình            | 05-03-2002 | 20CNTT3 | 141  | 2.47 | Không đạt CDR ngoại ngữ.                 |
| 30  | Trần Ngọc Nguyên Đình  | 01-11-2002 | 20CNTT3 | 130  | 2.49 | Không đạt CDR ngoại ngữ.                 |
| 31  | Nguyễn Ngọc Khoa       | 02-05-2002 | 20CNTT3 | 130  | 3.03 | Không đạt CDR ngoại ngữ.                 |
| 32  | Hồ Hoàng Nam           | 01-01-2002 | 20CNTT3 | 126  | 2.89 | Chưa tích lũy đủ 130 tín chỉ.            |
| 33  | Trần Đức Thiện         | 21-01-2002 | 20CNTT3 | 130  | 2.59 | Không đạt CDR ngoại ngữ.                 |

| Stt | Họ tên sinh viên        | Ngày sinh  | Mã lớp  | TCTL | TBTL | Lý do không đạt                                       |
|-----|-------------------------|------------|---------|------|------|-------------------------------------------------------|
| 34  | Nguyễn Vương Tín        | 11-09-2002 | 20CNTT3 | 117  | 2.09 | Chưa tích lũy đủ 130 tín chỉ.                         |
| 35  | Nguyễn Thị Mỹ Trang     | 19-02-2002 | 20CNTT3 | 128  | 2.22 | Chưa tích lũy đủ 130 tín chỉ.                         |
| 36  | Hoàng Nguyễn Quang Việt | 10-11-2002 | 20CNTT3 | 120  | 2.78 | Chưa tích lũy đủ 130 tín chỉ.                         |
| 37  | Nguyễn Trọng Việt       | 19-11-2002 | 20CNTT3 | 130  | 3.21 | Không đạt CĐR ngoại ngữ.                              |
| 38  | Nguyễn Lê Triều Vỹ      | 18-07-2001 | 20CNTT3 | 132  | 2.66 | Không đạt CĐR ngoại ngữ, Chứng chỉ GDQP.              |
| 39  | Ngô Minh Hiệp           | 15-06-2002 | 20CNTTC | 131  | 2.93 | Không đạt CĐR ngoại ngữ bậc 4.                        |
| 40  | Trần Viêt Huy           | 14-08-2001 | 20CNTTC | 130  | 2.62 | Không đạt CĐR ngoại ngữ bậc 4.                        |
| 41  | Trần Như Tiến           | 11-02-2002 | 20CNTTC | 119  | 2.27 | Chưa tích lũy đủ 130 tín chỉ.                         |
| 42  | Lê Dương Kiều Trâm      | 11-03-2002 | 20CNTTC | 121  | 2.60 | Chưa tích lũy đủ 130 tín chỉ.                         |
| 43  | Mai Thành Vĩnh          | 20-02-2002 | 20CNTTC | 130  | 2.38 | Không đạt CĐR ngoại ngữ bậc 4.                        |
| 44  | Lê Quốc Dũng            | 04-09-2002 | 20CNTTD | 114  | 2.10 | Chưa tích lũy đủ 130 tín chỉ.                         |
| 45  | Trần Văn Phi Long       | 16-10-2002 | 20CNTTD | 132  | 2.69 | Không đạt CĐR ngoại ngữ.                              |
| 46  | Trần Xuân Toàn          | 26-06-2002 | 20CNTTD | 132  | 2.42 | Không đạt CĐR ngoại ngữ.                              |
| 47  | Đặng Ngọc Bảo           | 26-03-2002 | 20SVL   | 102  | 2.28 | Chưa tích lũy đủ 130 tín chỉ.                         |
| 48  | Mai Thị Kim Oanh        | 23-12-2002 | 20SVL   | 131  | 2.69 | Không đạt CĐR ngoại ngữ.                              |
| 49  | Dư Huỳnh An Long        | 15-03-2002 | 20SHH2  | 128  | 2.34 | Chưa tích lũy đủ 130 tín chỉ.                         |
| 50  | Bùi Thị Minh Tuyền      | 14-12-2002 | 20SHH2  | 133  | 2.35 | Không đạt CĐR ngoại ngữ.                              |
| 51  | Nguyễn Lương Ngọc Thắng | 01-11-2002 | 20CHD   | 131  | 2.60 | Không đạt CĐR ngoại ngữ.                              |
| 52  | Lê Thị Lan Trinh        | 10-08-2002 | 20CHD   | 131  | 2.90 | Không đạt CĐR ngoại ngữ.                              |
| 53  | Lê Thị Kim Tuyền        | 24-09-2002 | 20CHD   | 129  | 2.16 | Chưa tích lũy đủ 130 tín chỉ.                         |
| 54  | Trần Thanh Vũ           | 18-04-2002 | 20CHD   | 131  | 2.60 | Không đạt CĐR ngoại ngữ.                              |
| 55  | Trần Thị Ngọc Dung      | 16-08-2002 | 20SKT   | 113  | 3.84 | Chưa tích lũy đủ 130 tín chỉ.                         |
| 56  | Dương Quang Vũ          | 06-11-2002 | 20CTM   | 139  | 2.73 | Không đạt CĐR ngoại ngữ, CĐR tin học.                 |
| 57  | Tôn Nữ Thục Quyên       | 31-07-2002 | 20CNSH  | 129  | 3.00 | Chưa tích lũy đủ 130 tín chỉ.                         |
| 58  | Nguyễn Thị Thu Hiền     | 09-06-2002 | 20SNV1  | 122  | 2.48 | Chưa tích lũy đủ 130 tín chỉ.                         |
| 59  | Lê Thanh Nhân           | 11-09-2002 | 20SNV1  | 127  | 3.02 | Chưa tích lũy đủ 130 tín chỉ.                         |
| 60  | Hồ Thị Minh Thi         | 15-08-2002 | 20SNV1  | 136  | 3.01 | Không đạt tín chỉ bắt buộc.                           |
| 61  | Nguyễn Thị Hoài Thương  | 10-06-2002 | 20SNV1  | 129  | 2.52 | Chưa tích lũy đủ 130 tín chỉ.                         |
| 62  | Tôn Thái Phương Uyên    | 29-11-2002 | 20SNV1  | 126  | 2.84 | Chưa tích lũy đủ 130 tín chỉ.                         |
| 63  | Trương Nhật Tường Vi    | 12-05-2002 | 20SNV1  | 128  | 2.78 | Chưa tích lũy đủ 130 tín chỉ.                         |
| 64  | Nguyễn Khánh Linh       | 20-11-2002 | 20SNV2  | 127  | 2.78 | Chưa tích lũy đủ 130 tín chỉ.                         |
| 65  | Võ Hồng Quỳnh Ly        | 06-08-2002 | 20SNV2  | 129  | 3.12 | Chưa tích lũy đủ 130 tín chỉ.                         |
| 66  | Lê Đặng Thảo Ly         | 23-03-2000 | 20SNV2  | 131  | 2.47 | Không đạt tín chỉ bắt buộc.                           |
| 67  | Đinh Thị Ngọc Diễm      | 09-11-2002 | 20SNV3  | 136  | 3.00 | Không đạt CĐR tin học.                                |
| 68  | Nguyễn Thị Ngọc Huyền   | 24-03-1998 | 20SNV3  | 134  | 3.04 | Không đạt CĐR ngoại ngữ, Chứng chỉ GDQP, CĐR tin học. |
| 69  | Hồ Thị Vi Na            | 04-03-2002 | 20SNV3  | 130  | 2.83 | Không đạt tín chỉ bắt buộc.                           |
| 70  | Nguyễn Thùy Yên Thảo    | 19-11-2002 | 20SNV3  | 134  | 2.95 | Không đạt tín chỉ bắt buộc.                           |
| 71  | Huỳnh Thị Minh Thu      | 16-07-2002 | 20SNV3  | 133  | 2.87 | Không đạt tín chỉ bắt buộc.                           |
| 72  | Huỳnh Ngọc Vỹ           | 01-01-2002 | 20SNV3  | 132  | 3.12 | Không đạt CĐR ngoại ngữ.                              |

| Stt | Họ tên sinh viên            | Ngày sinh  | Mã lớp | TCTL | TBTL | Lý do không đạt                                     |
|-----|-----------------------------|------------|--------|------|------|-----------------------------------------------------|
| 73  | Hoàng Ngọc Diễm             | 02-03-2002 | 20SNV4 | 123  | 2.58 | Chưa tích lũy đủ 130 tín chỉ.                       |
| 74  | Hoàng Sỹ Ngọc               | 08-03-2002 | 20SNV4 | 140  | 3.20 | Không đạt CĐR ngoại ngữ.                            |
| 75  | Bùi Thị Khánh Ngọc          | 15-05-2002 | 20SNV4 | 138  | 2.58 | Không đạt tín chỉ bắt buộc.                         |
| 76  | Huỳnh Thị Hoài Phương       | 06-03-2001 | 20SNV4 | 137  | 2.95 | Không đạt CĐR tin học.                              |
| 77  | Nguyễn Thị Kiều Thu         | 02-11-2002 | 20SNV4 | 138  | 3.10 | Không đạt CĐR tin học.                              |
| 78  | Nguyễn Thị Thùy Uyên        | 18-07-2002 | 20SNV4 | 140  | 2.55 | Không đạt CĐR ngoại ngữ, CĐR tin học.               |
| 79  | Lê Thị Tường Vi             | 22-08-2002 | 20SNV4 | 128  | 2.62 | Chưa tích lũy đủ 130 tín chỉ.                       |
| 80  | Trần Thị Ngọc Hải           | 06-12-2002 | 20CVH  | 130  | 2.65 | Không đạt CĐR ngoại ngữ, CĐR tin học.               |
| 81  | Lê Thị Liên                 | 12-12-2001 | 20CVH  | 131  | 3.40 | Không đạt CĐR ngoại ngữ.                            |
| 82  | Trần Thị Liên Minh          | 30-07-2002 | 20CVH  | 130  | 2.65 | Không đạt CĐR ngoại ngữ, CĐR tin học.               |
| 83  | Nguyễn Thị Phương Nguyên    | 16-11-2002 | 20CVH  | 130  | 2.95 | Không đạt CĐR ngoại ngữ, CĐR tin học.               |
| 84  | Nguyễn Thanh Tuấn           | 10-02-2002 | 20CVH  | 130  | 2.71 | Không đạt CĐR ngoại ngữ, CĐR tin học.               |
| 85  | Huỳnh Ngọc Thùy Dương       | 08-11-2002 | 20CVHH | 129  | 2.71 | Chưa tích lũy đủ 130 tín chỉ.                       |
| 86  | Huỳnh Nguyễn Kim Ngân       | 15-07-2002 | 20CVHH | 131  | 3.24 | Không đạt CĐR ngoại ngữ.                            |
| 87  | Lưu Nguyễn Thục Nhi         | 28-09-2001 | 20CVHH | 131  | 2.79 | Không đạt CĐR ngoại ngữ.                            |
| 88  | Nguyễn Thị Bích Vân         | 18-05-2002 | 20CVHH | 131  | 3.08 | Không đạt Chứng chỉ Giáo dục thể chất, CĐR tin học. |
| 89  | Lê Thị Hoàng Yến            | 15-10-2000 | 20CVHH | 131  | 2.93 | Không đạt CĐR ngoại ngữ.                            |
| 90  | Phan Thị Hoài               | 27-08-2001 | 20CBC1 | 130  | 3.25 | Không đạt CĐR ngoại ngữ, CĐR tin học.               |
| 91  | Nguyễn Văn Duy Hưng         | 26-10-2002 | 20CBC1 | 125  | 2.93 | Chưa tích lũy đủ 130 tín chỉ.                       |
| 92  | Hồ Việt Nam                 | 30-03-2002 | 20CBC1 | 127  | 2.60 | Chưa tích lũy đủ 130 tín chỉ.                       |
| 93  | Trương Thị Bích Tàu         | 15-06-2002 | 20CBC1 | 121  | 2.60 | Chưa tích lũy đủ 130 tín chỉ.                       |
| 94  | Võ Thị Thắm                 | 02-07-2002 | 20CBC1 | 130  | 3.35 | Không đạt CĐR ngoại ngữ, CĐR tin học.               |
| 95  | Dương Sơn Phương Thảo       | 01-05-2001 | 20CBC1 | 127  | 2.93 | Chưa tích lũy đủ 130 tín chỉ.                       |
| 96  | Đặng Thị Quỳnh Trang        | 22-03-2002 | 20CBC1 | 131  | 2.31 | Không đạt CĐR tin học.                              |
| 97  | Lê Thị Hiếu Ngân            | 10-08-2002 | 20CBC2 | 126  | 2.74 | Chưa tích lũy đủ 130 tín chỉ.                       |
| 98  | Nguyễn Cao Thị Thanh Phương | 23-06-2002 | 20CBC2 | 131  | 2.79 | Không đạt tín chỉ bắt buộc.                         |
| 99  | Lê Đỗ Nhã Phương            | 18-12-2002 | 20CBC2 | 120  | 2.55 | Chưa tích lũy đủ 130 tín chỉ.                       |
| 100 | Phan Nguyễn Hoài Phương     | 29-07-2002 | 20CBC2 | 130  | 2.56 | Không đạt CĐR ngoại ngữ, CĐR tin học.               |
| 101 | Hồ Thị Thanh Thảo           | 01-02-2002 | 20CBC2 | 130  | 2.55 | Không đạt CĐR tin học.                              |
| 102 | Hồ Thị Thế                  | 01-01-2001 | 20CBC2 | 132  | 2.76 | Không đạt CĐR ngoại ngữ, CĐR tin học.               |
| 103 | Nguyễn Thúy Vy              | 19-12-2002 | 20CBC2 | 130  | 2.71 | Không đạt Chứng chỉ Giáo dục thể chất.              |
| 104 | Lương Thị Hoàng Anh         | 23-03-2002 | 20CBC3 | 115  | 2.97 | Chưa tích lũy đủ 130 tín chỉ.                       |
| 105 | Hồ Bảo Duy                  | 26-05-2002 | 20CBC3 | 130  | 2.83 | Không đạt CĐR tin học.                              |
| 106 | Trần Ngọc Linh              | 01-01-2002 | 20CBC3 | 126  | 2.90 | Chưa tích lũy đủ 130 tín chỉ.                       |
| 107 | Phan Thị Kiều Ngân          | 13-03-2002 | 20CBC3 | 130  | 2.80 | Không đạt CĐR ngoại ngữ, CĐR tin học.               |
| 108 | Bùi Thị Nhi                 | 17-01-2002 | 20CBC3 | 132  | 3.11 | Không đạt CĐR ngoại ngữ, CĐR tin học.               |
| 109 | Huỳnh Võ Thu Phương         | 31-07-2002 | 20CBC3 | 132  | 3.20 | Không đạt CĐR ngoại ngữ, CĐR tin học.               |
| 110 | Cao Nguyễn Anh Thư          | 30-06-2002 | 20CBC3 | 129  | 2.60 | Chưa tích lũy đủ 130 tín chỉ.                       |
| 111 | Hồ Lê Thảo Mai              | 19-03-2002 | 20CBCC | 130  | 3.52 | Không đạt CĐR ngoại ngữ bậc 4.                      |

| Stt | Họ tên sinh viên     | Ngày sinh  | Mã lớp  | TCTL | TBTL | Lý do không đạt                                                    |
|-----|----------------------|------------|---------|------|------|--------------------------------------------------------------------|
| 112 | Nguyễn Thị Kim Ngân  | 06-09-2002 | 20CBCC  | 130  | 2.75 | Không đạt CDR ngoại ngữ bậc 4.                                     |
| 113 | Nguyễn Thanh Tùng    | 08-03-2002 | 20CBCC  | 130  | 3.41 | Không đạt CDR ngoại ngữ bậc 4.                                     |
| 114 | Nguyễn Thị Lan Uyên  | 19-05-2002 | 20CBCC  | 130  | 3.14 | Không đạt CDR tin học, CDR ngoại ngữ bậc 4.                        |
| 115 | Lê Công Việt         | 17-02-2002 | 20CBCC  | 119  | 3.07 | Chưa tích lũy đủ 130 tín chỉ.                                      |
| 116 | Dương Đăng Hưng      | 25-04-2002 | 20SLS   | 135  | 3.12 | Không đạt CDR ngoại ngữ, CDR tin học.                              |
| 117 | Phan Thị Thúy Ngân   | 11-01-2002 | 20SLS   | 132  | 2.62 | Không đạt CDR ngoại ngữ, CDR tin học.                              |
| 118 | Hồ Linh Hiền         | 17-04-2002 | 20CVNH1 | 103  | 2.78 | Chưa tích lũy đủ 130 tín chỉ.                                      |
| 119 | Phạm Ngọc Khánh Hòa  | 02-11-2002 | 20CVNH1 | 131  | 2.76 | Không đạt Chứng chỉ Giáo dục thể chất, CDR ngoại ngữ, CDR tin học. |
| 120 | Đỗ Tấn Phúc          | 18-03-2002 | 20CVNH1 | 117  | 2.59 | Chưa tích lũy đủ 130 tín chỉ.                                      |
| 121 | Trần Thị Lin Đan     | 04-01-2002 | 20CVNH2 | 119  | 2.55 | Chưa tích lũy đủ 130 tín chỉ.                                      |
| 122 | Đặng Phước Đông      | 18-08-2002 | 20CVNH2 | 131  | 3.09 | Không đạt CDR ngoại ngữ, CDR tin học.                              |
| 123 | Phạm Duy Dương       | 31-03-2002 | 20CVNH2 | 109  | 2.82 | Chưa tích lũy đủ 130 tín chỉ.                                      |
| 124 | Châu Thị Hạnh        | 23-08-2002 | 20CVNH2 | 131  | 3.17 | Không đạt CDR ngoại ngữ.                                           |
| 125 | Nguyễn Văn Thái      | 30-08-2002 | 20CVNH2 | 131  | 3.06 | Không đạt CDR ngoại ngữ, CDR tin học.                              |
| 126 | Nguyễn Đặng Kha Vy   | 26-01-2002 | 20CVNH2 | 131  | 3.27 | Không đạt CDR ngoại ngữ.                                           |
| 127 | Mai Tấn Nhật         | 22-06-2002 | 20CLS   | 130  | 3.08 | Không đạt CDR ngoại ngữ.                                           |
| 128 | Ngô Thị Thanh Bình   | 07-11-2002 | 20CVNHC | 131  | 3.51 | Không đạt CDR ngoại ngữ bậc 4.                                     |
| 129 | Nguyễn Văn Sỹ        | 22-12-2002 | 20CVNHC | 131  | 3.12 | Không đạt Chứng chỉ GDQP, CDR ngoại ngữ bậc 4.                     |
| 130 | Trần Thị Như Ý       | 05-07-2002 | 20CVNHC | 131  | 3.39 | Không đạt CDR ngoại ngữ bậc 4.                                     |
| 131 | Lê Viết Thành Công   | 12-09-2002 | 20SLD   | 128  | 2.55 | Chưa tích lũy đủ 130 tín chỉ.                                      |
| 132 | Lê Hồng Ngọc Thương  | 01-01-2002 | 20SLD   | 138  | 3.14 | Không đạt CDR ngoại ngữ.                                           |
| 133 | Nguyễn Trung Trực    | 04-02-2002 | 20SLD   | 131  | 3.02 | Không đạt CDR ngoại ngữ.                                           |
| 134 | Phan Thị Thùy Dương  | 25-05-2002 | 20SDL   | 134  | 3.23 | Không đạt tín chỉ bắt buộc.                                        |
| 135 | Bùi Phương Linh      | 19-07-2002 | 20SDL   | 119  | 2.67 | Chưa tích lũy đủ 130 tín chỉ.                                      |
| 136 | Phan Thị Kiều Diễm   | 31-05-2002 | 20CDDL1 | 129  | 2.98 | Chưa tích lũy đủ 130 tín chỉ.                                      |
| 137 | Nguyễn Thành Long    | 07-04-2002 | 20CDDL1 | 132  | 3.05 | Không đạt CDR ngoại ngữ, CDR tin học.                              |
| 138 | Lê Thị Mỹ Tâm        | 07-12-2002 | 20CDDL1 | 131  | 2.79 | Không đạt CDR ngoại ngữ, CDR tin học.                              |
| 139 | Lê Thị Tường Vy      | 09-02-2002 | 20CDDL1 | 131  | 3.22 | Không đạt CDR ngoại ngữ.                                           |
| 140 | Đặng Văn Chạy        | 15-08-1998 | 20CDDL2 | 129  | 3.58 | Chưa tích lũy đủ 130 tín chỉ.                                      |
| 141 | Nguyễn Vũ Khánh Đoan | 03-07-2002 | 20CDDL2 | 133  | 2.96 | Không đạt CDR ngoại ngữ, CDR tin học.                              |
| 142 | Nguyễn Văn Duy       | 21-03-2001 | 20CDDL2 | 130  | 3.18 | Không đạt CDR ngoại ngữ, CDR tin học.                              |
| 143 | Trần Văn Phúc        | 24-06-2002 | 20CDDL2 | 134  | 3.68 | Không đạt CDR ngoại ngữ.                                           |
| 144 | Nguyễn Ngọc Thịnh    | 01-09-2000 | 20CDDL2 | 115  | 2.48 | Chưa tích lũy đủ 130 tín chỉ.                                      |
| 145 | Hồ Thị Chỗ           | 10-10-2002 | 20SGC   | 133  | 3.22 | Không đạt CDR tin học.                                             |
| 146 | Trần Thị Thảo Ly     | 22-09-2002 | 20SGC   | 131  | 2.83 | Không đạt CDR ngoại ngữ, CDR tin học.                              |
| 147 | Đỗ Văn Phong         | 13-10-2002 | 20SGC   | 121  | 2.42 | Chưa tích lũy đủ 130 tín chỉ.                                      |
| 148 | Lưu Quý Sĩ           | 16-02-2002 | 20SGC   | 129  | 2.40 | Chưa tích lũy đủ 130 tín chỉ.                                      |
| 149 | Nguyễn Thanh Thắng   | 30-09-2001 | 20SGC   | 132  | 2.75 | Không đạt CDR ngoại ngữ, CDR tin học.                              |
| 150 | Phan Thị Mỹ Trâm     | 23-03-2002 | 20SGC   | 131  | 3.01 | Không đạt CDR ngoại ngữ, CDR tin học.                              |

| Stt | Họ tên sinh viên      | Ngày sinh  | Mã lớp | TCTL | TBTL | Lý do không đạt                             |
|-----|-----------------------|------------|--------|------|------|---------------------------------------------|
| 151 | Võ Thị Vân Dung       | 28-01-2002 | 20SCD  | 129  | 3.05 | Chưa tích lũy đủ 130 tín chỉ.               |
| 152 | Võ Trung Hiếu         | 25-01-2002 | 20SCD  | 128  | 3.04 | Chưa tích lũy đủ 130 tín chỉ.               |
| 153 | Trần Thị Quỳnh Như    | 01-11-2002 | 20SCD  | 112  | 2.54 | Chưa tích lũy đủ 130 tín chỉ.               |
| 154 | Nguyễn Thị Diễm Phúc  | 26-04-2002 | 20SCD  | 131  | 2.95 | Không đạt CDR ngoại ngữ, CDR tin học.       |
| 155 | Hà Kim Trúc Quỳnh     | 10-06-2002 | 20SCD  | 85   | 2.31 | Chưa tích lũy đủ 130 tín chỉ.               |
| 156 | Nguyễn Hữu Sỹ         | 23-10-2002 | 20SCD  | 124  | 2.54 | Chưa tích lũy đủ 130 tín chỉ.               |
| 157 | Nguyễn Hoàng Uyên     | 08-12-2001 | 20SCD  | 129  | 3.02 | Chưa tích lũy đủ 130 tín chỉ.               |
| 158 | Lê Thị Mỹ Uyên        | 10-11-2002 | 20SCD  | 125  | 3.06 | Chưa tích lũy đủ 130 tín chỉ.               |
| 159 | Trần Trọng Đức        | 22-04-2002 | 20CTL1 | 100  | 2.86 | Chưa tích lũy đủ 130 tín chỉ.               |
| 160 | Nguyễn Gia Huy        | 08-05-2002 | 20CTL1 | 125  | 3.20 | Chưa tích lũy đủ 130 tín chỉ.               |
| 161 | Lương Gia Huy         | 21-01-2002 | 20CTL1 | 88   | 2.73 | Chưa tích lũy đủ 130 tín chỉ.               |
| 162 | Nguyễn Thị Thúy Kiều  | 22-06-2002 | 20CTL1 | 131  | 3.06 | Không đạt CDR ngoại ngữ, CDR tin học.       |
| 163 | Lê Thị Thảo Tâm       | 13-08-2002 | 20CTL1 | 124  | 2.85 | Chưa tích lũy đủ 130 tín chỉ.               |
| 164 | Lê Hồng Thái          | 01-10-2002 | 20CTL1 | 131  | 2.91 | Không đạt tín chỉ bắt buộc.                 |
| 165 | Lê Thành Trung        | 09-11-2002 | 20CTL1 | 132  | 3.01 | Không đạt CDR ngoại ngữ, CDR tin học.       |
| 166 | Nguyễn Thị Gia An     | 01-01-2001 | 20CTL2 | 125  | 3.00 | Chưa tích lũy đủ 130 tín chỉ.               |
| 167 | Trần Văn Đức          | 20-06-2001 | 20CTL2 | 97   | 2.70 | Chưa tích lũy đủ 130 tín chỉ.               |
| 168 | Nguyễn Đại Hải        | 01-07-2002 | 20CTL2 | 133  | 2.68 | Không đạt tín chỉ bắt buộc.                 |
| 169 | Phạm Thị Ngọc Linh    | 25-11-2002 | 20CTL2 | 130  | 2.91 | Không đạt CDR ngoại ngữ, CDR tin học.       |
| 170 | Lê Thị Xuân Luyến     | 24-11-2002 | 20CTL2 | 115  | 2.46 | Chưa tích lũy đủ 130 tín chỉ.               |
| 171 | Lê Đặng Khánh Ly      | 23-03-2000 | 20CTL2 | 117  | 2.71 | Chưa tích lũy đủ 130 tín chỉ.               |
| 172 | Cao Thị Thanh Nhân    | 15-02-2002 | 20CTL2 | 133  | 3.44 | Không đạt CDR ngoại ngữ, CDR tin học.       |
| 173 | Lê Thị Phương         | 22-06-2002 | 20CTL2 | 126  | 2.86 | Chưa tích lũy đủ 130 tín chỉ.               |
| 174 | Lê Trung Sinh         | 28-01-2000 | 20CTL2 | 134  | 3.65 | Không đạt CDR ngoại ngữ, CDR tin học.       |
| 175 | Nguyễn Thị Thanh Thảo | 09-05-2002 | 20CTL2 | 119  | 2.63 | Chưa tích lũy đủ 130 tín chỉ.               |
| 176 | Bùi Võ Hoài Thư       | 11-07-2002 | 20CTL2 | 126  | 3.02 | Chưa tích lũy đủ 130 tín chỉ.               |
| 177 | Bùi Thùy Trâm         | 21-01-2002 | 20CTL2 | 130  | 2.58 | Không đạt tín chỉ bắt buộc.                 |
| 178 | Trần Hương Giang      | 06-12-2002 | 20CTXH | 130  | 2.71 | Không đạt CDR ngoại ngữ, CDR tin học.       |
| 179 | Nguyễn Phan Anh Thy   | 07-02-2002 | 20CTLC | 130  | 3.54 | Không đạt CDR tin học, CDR ngoại ngữ bậc 4. |
| 180 | Lại Thị Thuỳ Dương    | 14-02-2002 | 20STH2 | 124  | 3.20 | Chưa tích lũy đủ 130 tín chỉ.               |
| 181 | Lê Thị Nga            | 14-07-2002 | 20STH2 | 130  | 3.25 | Không đạt CDR ngoại ngữ, CDR tin học.       |
| 182 | Trần Thị Thái An      | 30-12-2002 | 20SMN1 | 88   | 2.42 | Chưa tích lũy đủ 130 tín chỉ.               |
| 183 | Trần Thị Lệ Nhi       | 24-08-2002 | 20SMN1 | 131  | 2.71 | Không đạt CDR ngoại ngữ.                    |
| 184 | Đinh Thị Kim Thoa     | 14-03-2002 | 20SMN1 | 131  | 3.03 | Không đạt CDR ngoại ngữ.                    |
| 185 | Phan Nguyễn Bảo Vân   | 21-10-2002 | 20SMN1 | 125  | 2.55 | Chưa tích lũy đủ 130 tín chỉ.               |
| 186 | Phạm Khánh Hòa        | 08-08-2002 | 20SMN2 | 132  | 2.73 | Không đạt CDR ngoại ngữ, CDR tin học.       |
| 187 | Phan Huỳnh Nhã Phương | 06-10-2002 | 20SMN2 | 132  | 3.11 | Không đạt CDR ngoại ngữ, CDR tin học.       |
| 188 | Trần Thị Thanh Trâm   | 09-10-2002 | 20SMN2 | 131  | 2.95 | Không đạt CDR ngoại ngữ, CDR tin học.       |
| 189 | Nguyễn Dạ Ngọc        | 06-01-2002 | 20SMN3 | 131  | 3.21 | Không đạt tín chỉ bắt buộc.                 |

| Stt | Họ tên sinh viên    | Ngày sinh  | Mã lớp | TCTL | TBTL | Lý do không đạt                       |
|-----|---------------------|------------|--------|------|------|---------------------------------------|
| 190 | Nguyễn Anh Phương   | 22-09-2002 | 20SMN3 | 130  | 2.83 | Không đạt CDR ngoại ngữ, CDR tin học. |
| 191 | Lê Thị Mỹ Duyên     | 04-08-2002 | 20SMN3 | 132  | 2.78 | Không đạt CDR ngoại ngữ, CDR tin học. |
| 192 | Mai Văn An          | 04-06-2002 | 20SAN  | 131  | 3.11 | Không đạt CDR ngoại ngữ, CDR tin học. |
| 193 | Phạm Hoàng Gia Bảo  | 19-01-2001 | 20SAN  | 108  | 2.63 | Chưa tích lũy đủ 130 tín chỉ.         |
| 194 | Nguyễn Thị Ái Ly    | 14-08-2002 | 20SAN  | 129  | 2.88 | Chưa tích lũy đủ 130 tín chỉ.         |
| 195 | Phan Hữu Thắng      | 23-01-2002 | 20SAN  | 137  | 3.48 | Không đạt CDR ngoại ngữ.              |
| 196 | Trương Quang Thành  | 18-01-2001 | 20SAN  | 139  | 2.87 | Không đạt CDR ngoại ngữ, CDR tin học. |
| 197 | Nguyễn Phan Hạ Thu  | 01-08-2002 | 20SAN  | 135  | 3.11 | Không đạt CDR ngoại ngữ, CDR tin học. |
| 198 | Nguyễn Quang Trường | 16-05-2002 | 20SAN  | 131  | 3.11 | Không đạt tín chỉ bắt buộc.           |
| 199 | Bùi Thanh Tùng      | 02-07-2002 | 20SAN  | 132  | 3.26 | Không đạt tín chỉ bắt buộc.           |